

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4- HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 407/2026/HNGĐ - ST

Ngày: 31/3/2026

(V/v tranh chấp Ly hôn)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - HÀ NỘI**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Thu Ngân** - Thẩm phán

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Tạo

2. Bà Lê Thị Thuyên

-Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hằng - Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân Khu vực 4- Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4- Hà Nội: Bà Nguyễn Hương Giang - Kiểm sát viên

Trong ngày 31 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4- Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 23/2026/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2026 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Chị Hồ Thị Mai Q**, sinh năm 1997; (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Bị đơn: **Anh Nguyễn Văn T**, sinh năm 1991; (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số nhà H, ngõ A, đường P, tổ D, phường X, Thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****Chị Hồ Thị Mai Q trình bày như sau:***

Chị và anh Nguyễn Văn T có đăng ký kết hôn ngày 27/1/2020 tại UBND thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa (nay là xã N, tỉnh Thanh Hóa). Anh chị chung sống hòa thuận đến Tháng 7/2025 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai vợ chồng không cùng chung quan điểm sống chồng thường xuyên đi nhậu về khuya, không quan tâm đến vợ con, thậm chí có những hành vi đánh, đe dọa. Cả hai đã hòa giải nhiều lần nhưng không tin được tiếng nói chung, anh chị đã li thân từ tháng 7/2025 đến nay. Nay chị xác định tình cảm đã không còn nên chị làm đơn ly hôn với anh T, mong tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị

Về con chung: Chị xác nhận chị và anh T có 01 con chung tên là Nguyễn Bảo N (Giới tính: Nữ, sinh ngày 24/02/2020). Khi ly hôn chị đề nghị cho chị được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng

Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ: Anh chị không có nợ chung, không yêu cầu Tòa giải quyết.

2. Ông Nguyễn Văn T là bị đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Hồ Thị Mai Q kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 27/01/2020 tại UBND huyện N, tỉnh Thanh Hóa (nay là xã N, tỉnh Thanh Hóa). Trong quá trình chung sống thì anh chị hòa thuận đến tháng 7/2025 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là vợ chồng bất đồng quan điểm. Trong cuộc sống chung, xây dựng kinh tế gia đình, anh chị đã sống ly thân từ tháng 7/2025 đến nay. Anh cũng xác nhận vợ chồng cũng rạn nứt tình cảm nhưng còn 1 số vướng mắc đến vấn đề Tài sản cần phải thống nhất nên anh chưa đồng ý ly hôn với chị Q.

Về con chung: Anh và chị Q có 1 con chung tên là Nguyễn Bảo N (Giới tính: Nữ, sinh ngày 24/02/2020). Trường hợp phải ly hôn, anh đồng ý cho chị Q trực tiếp nuôi con. Anh sẽ cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 đồng/ tháng

Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa giải quyết.

Về nợ chung: Anh chị không có nợ chung, không yêu cầu Tòa giải quyết.

*** Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4- Hà Nội trình bày quan điểm giải quyết vụ án:**

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng:

Căn cứ điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân khu vực 40 Hà Nội thụ lý đơn ly hôn của chị Hồ Thị Mai Q là đúng thẩm quyền; tiến hành phân công Thẩm phán, thư ký theo đúng quy định tại điều 195, 197 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Tòa án đã tuân thủ đúng quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án theo điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; đã tiến hành tổng đạt cho các đương sự và Viện kiểm sát đúng quy định tại các điều 177, 178, 179 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; quá trình giải quyết và quyết định đưa vụ án ra xét xử theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về phiên tòa dân sự sơ thẩm, đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử, thành phần hội đồng xét xử. Nguyên đơn, bị đơn tham gia đầy đủ các buổi làm việc tại Tòa án, đã thực hiện đúng quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự tại các điều 70, 71 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 21; khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 điều 56, điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326 quy định về án phí lệ phí Tòa án. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Hồ Thị Mai Q đối với anh Nguyễn Văn T. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị Q được trực tiếp nuôi con chung, và ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung của anh T với mức 5.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác. *Về tài sản chung* : Anh chị tự thỏa thuận nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về nợ chung: Anh chị không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị Q phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Anh Nguyễn Văn T đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại địa bàn khu vực 4 - Hà Nội nên căn cứ theo điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4- Hà Nội.

[2] Về quá trình tiến hành tố tụng: Bị đơn vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa không có lý do, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, nên căn cứ Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục xét xử.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn Hội đồng xét xử thấy:

Chị Hồ Thị Mai Q và anh Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong khoảng thời gian chung sống từ đó đến nay, theo như lời trình bày của chị Q: Vợ chồng chung sống đến tháng 7/ 2025 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng trong quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Anh chị đã cố gắng hàn gắn tình cảm với nhau nhưng tình trạng mâu thuẫn không được cải thiện, vợ chồng chị không thể hòa hợp và không còn yêu thương nhau. Nay chị xác định tình cảm không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, vì vậy chị đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 4- Hà Nội giải quyết cho anh chị được ly hôn để ổn định lại cuộc sống. Trước yêu cầu ly hôn của chị Q và anh T cũng xác nhận những mâu thuẫn và rạn nứt về tình cảm của vợ chồng anh chị, anh xác nhận tình cảm không còn nhưng còn vướng mắc một số vấn đề tài sản nên anh chưa muốn ly hôn. Hội đồng xét xử xem xét đến việc anh chị không còn tình cảm, cả hai vợ chồng đều thừa nhận mâu thuẫn nên xem xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hồ Thị Mai Q đối với anh Nguyễn Văn T.

[4] Về con chung: Anh chị xác nhận vợ chồng anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Bảo N (Giới tính: Nữ, sinh ngày 24/02/2020). Trong trường hợp ly hôn, anh chị không có tranh chấp về quyền nuôi con và cùng thống nhất: Giao cháu Nguyễn Bảo N cho chị Q trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh T sẽ cấp dưỡng nuôi con với mức là 5.000.000 đồng/tháng. Hội đồng xét xử xét thấy chị Q hiện đang kinh doanh tự do, thu nhập hàng tháng 20.000.000 đồng/tháng. Chị cũng có nơi ở ổn định tại căn nhà 4 tầng địa chỉ số H, ngõ A, tổ D, Xuân P,

thành phố Hà Nội mang tên chị. Xét thấy chị Q có đủ điều kiện có đủ điều kiện về nơi ở và điều kiện về kinh tế để có thể trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của anh chị giao cháu Nguyễn Bảo N cho chị Q trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh T cấp dưỡng nuôi con với mức 5.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu N đủ tuổi trưởng thành hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác.

[5] Về tài sản chung: Anh chị xác nhận không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết nên Tòa không xét.

[6] Về khoản nợ chung: Anh chị xác nhận không có nợ chung, không yêu cầu Tòa giải quyết.

[7] Về án phí: chị Q phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014

Áp dụng: Khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39; điều 147; 192; 203; khoản 1 điều 207; khoản 2 điều 227; khoản 1 điều 228; điều 235; 271; 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Áp dụng: Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục mức án phí, lệ phí kèm theo Nghị quyết.

***Xử:** Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hồ Thị Mai Q đối với anh Nguyễn Văn T. Chị Hồ Thị Mai Q được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Xác nhận chị Hồ Thị Mai Q và anh Nguyễn Văn T có 01 con chung là cháu Nguyễn Bảo N (giới tính nữ), sinh ngày 24/02/2020. Giao cháu Nguyễn Bảo N cho chị Hồ Thị Mai Q trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn T thực hiện cấp dưỡng nuôi con. Mức cấp dưỡng là

5.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 4/2026 đến khi cháu N đủ 18 tuổi hoặc có quyết định khác

Về tài sản chung : Tòa án không xét.

Về nợ chung: Tòa án không xét.

Về án phí: Chị Hồ Thị Mai Q phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng số 0000265 ngày 07/01/2026 tại Phòng thi hành án dân sự Khu vực 4- Hà Nội.

Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, bị đơn, vắng mặt. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nhận được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận

- VKSND Khu vực 4- Hà Nội
- Phòng Thi hành án dân sự
Khu vực 4- Hà Nội
- UBND xã N, tỉnh Thanh Hóa.
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ
- Lưu VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Thu Ngân